

Bản án số: **230/2024/HC-ST**  
Ngày: 19-9-2024  
V/v khiếu kiện: “Quyết định  
hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Nam Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Thúy  
Bà Mai Thị Viện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2023/TLST-HC ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc khiếu kiện: “Quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 683, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 683, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và ông Lê Công M, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ dân phố V, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/8/2024); đều có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Đại lộ N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch UBND thành phố T; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Lê Hữu D - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 16/3/2023); vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Số 35, Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Đức G - Phó chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền số 3102/UBND-TD ngày 13/3/2023); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Số 481 N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Chủ tịch UBND phường P; vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Hồng T; địa chỉ: 12/184 P 4, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc K trình bày:

Gia đình ông mua của ông Nguyễn Hồng T, bà Cao Thị L thửa đất số 48, tờ bản đồ số 36, diện tích 182,9m<sup>2</sup>, loại đất ODT, bản đồ đo vẽ năm 2011.

Tại Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T đã quyết định: “Thu hồi 182,9m<sup>2</sup> đất do hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại số nhà 212C, phố P 4, phường P, thành phố T, trong đó: đất ở đô thị 25,0m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 59,4m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 98,5m<sup>2</sup>”.

Tại Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T đã quyết định: “Điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T, cụ thể: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại số nhà 212C, phố P 4, phường P, trong đó: đất ở đô thị 25,0m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 62,3m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 93,08m<sup>2</sup>”.

Không đồng ý với quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T, nên ông K đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T đã quyết định nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K là không có cơ sở.

Tại Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2021 của UBND thành phố T đã quyết định: “Điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/20121 của UBND thành phố T, cụ thể: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông

Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại số nhà 212C, phố P 4, phường P, trong đó: đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở:  $92,35\text{m}^2$ ; đất không được bồi thường:  $88,03\text{m}^2$ ”.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND thành phố T nên ông K đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định: ông Nguyễn Ngọc K khiếu nại, đề nghị UBND thành phố T bồi thường diện tích  $62,3\text{m}^2$  là đất ở và diện tích  $93,08\text{m}^2$  là đất vườn là không có cơ sở.

Ông K cho rằng: ông có  $25\text{m}^2$  đất ở hình thành trước ngày 18/12/1980 (của ông T1 trong tổng  $200\text{m}^2$  đã vẽ trong bản đồ 299) theo quy định của Chính phủ và của tỉnh được xác định là đất ở không phải nộp tiền, vì không vượt quá 5 lần hạn mức ( $125\text{m}^2 \times 5 = 625\text{m}^2$ ) và  $67,35\text{m}^2$  đất vườn cùng thửa đất ở có nhà hình thành trước ngày 15/10/1993. Bởi vì, tại Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa (dòng 37 trang 4) ghi: “*Theo bản đồ 364: Thửa đất số 365, tờ bản đồ số 21, diện tích  $437\text{m}^2$ , gồm 4 hộ gia đình sử dụng, gồm: hộ ông Phạm Văn L1  $112,47\text{m}^2$ ; hộ bà Nguyễn Thị T2  $111,98\text{m}^2$ ; hộ ông Hoàng Ngọc S  $120,2\text{m}^2$ ; hộ ông Nguyễn Ngọc K  $92,35\text{m}^2$* ”. Như vậy, quyết định đã công nhận  $92,35\text{m}^2$  của ông gồm 2 loại như nêu trên.

Theo điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014 và Quyết định số 4655 của UBND tỉnh thì được công nhận bằng hạn mức đất ở. Trong thửa đất này gia đình ông mới có  $25\text{m}^2$  đất ở nên công nhận thêm  $67,35\text{m}^2$  tổng bằng  $92,35\text{m}^2$  vẫn còn thấp hơn hạn mức là  $125\text{m}^2$ . Phần diện tích  $67,35\text{m}^2$  ông phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại;

- Hủy Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đơn khiếu nại;

- Buộc UBND thành phố T tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đại lộ Đông Tây thành phố T. Cụ thể: đất ở  $92,35\text{m}^2$  phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP là  $67,35\text{m}^2$  (giai đoạn sử dụng trước ngày 18/12/1980 là  $25\text{m}^2$ , từ 18/12/1980 đến 15/10/1993 là  $67,35\text{m}^2$ ), căn cứ trên cơ sở đất ở thu hồi giao đất tái định cư theo chính sách chung. Đề nghị hỗ trợ toàn bộ diện tích đất không được bồi thường  $90,55\text{m}^2$  với mức giá bằng 50% giá đất cây lâu năm cùng thửa đất có nhà ở.

\* Tại văn bản bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/8/2024, ông Nguyễn Ngọc K đề nghị Tòa án áp dụng Luật đất đai năm 2024 để giải quyết vụ án với các căn cứ:

Thứ nhất: Tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định: “Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Nghị định này”. Từ khi có quyết định thu hồi đất ông đã khiếu nại và khởi kiện đến nay nên không thể xem là đã được phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Thứ hai: Sau khi có kết luận của Tòa thì phải lập lại phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư. Mà lập trong giai đoạn này thì phải áp dụng luật mới vì luật cũ đã hết hiệu lực thi hành. Cụ thể như sau:

- Đối với đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất:

+ Đối với đất sử dụng trước ngày 18/12/1980: Giấy tờ là sổ mục kê ghi tên Cao Văn T1 diện tích 200m<sup>2</sup>. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 137, điểm a khoản 1 điều 141 Luật đất đai 2024 (viết tắt là Luật số 31/QH13) thì trong 200m<sup>2</sup> đất ở của ông T1 thì ông có 25m<sup>2</sup>.

+ Đối với đất sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993: Giấy tờ là sổ mục kê ghi tên Cao Văn T1 thửa số 365, tờ bản đồ số 21, diện tích 437m<sup>2</sup> bản đồ 364. Quy định tại điểm c khoản 1 điều 137 Luật số 31/QH13. Trong 437m<sup>2</sup> có 200m<sup>2</sup> của giai đoạn trước, giai đoạn này có 237m<sup>2</sup> trong đó gia đình ông có 67,35m<sup>2</sup>. Giấy tờ nêu trên mang tên người khác nên ông phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 5 điều 137 luật 31/QH13.

- Đối với đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Ông mua của ông T, bà L thửa đất số 48, tờ bản đồ 36, diện tích 182,9m<sup>2</sup> loại đất ODT (ở đô thị) đo vẽ năm 2011. Trong đó đất có giấy tờ trình bày trên là 92,35m<sup>2</sup> còn lại không có giấy là 182,9m<sup>2</sup> - 92,35m<sup>2</sup> = 90,55m<sup>2</sup> (đất này quy định tại điểm a khoản 3 điều 138 Luật số 31/QH13 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 8 Nghị định 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024).

Theo quyết định 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, tại Điều 5 quy định hạn mức đất ở địa bàn phường là 125m<sup>2</sup>/hộ. Như vậy tại mục này ông được bồi thường đất ở là: 125m<sup>2</sup> - 92,35m<sup>2</sup> = 32,65m<sup>2</sup>.

+ Đối với diện tích còn lại 90,55m<sup>2</sup> - 32,65m<sup>2</sup> = 57,9m<sup>2</sup> được xác định là đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở (theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 138 Luật số 31/QH13).

Do đó, ông vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Đề nghị Tòa án: Quyết định thu hồi 182,9m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ đông tây thành phố T - Đoạn từ thị trấn R đến quốc lộ 1A. Chi tiết các loại đất như sau: Đất ở: 125m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 92,35m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 32,65m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 57,9m<sup>2</sup>. Giao cho Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án nêu trên lập, trình duyệt và thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trên.

2. Tại văn bản số 4415/UBND-TD ngày 04/4/2023 của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có nội dung:

Diện tích đất ông Nguyễn Ngọc K đang khiếu nại có nguồn gốc là một phần của thửa đất gốc (thửa số 103, tờ số 05, hồ sơ 299/TTg phê duyệt năm 1984) của ông Cao Văn T1 (được UBND phường P giao năm 1983). Tại biên bản kiểm tra việc quản lý sử dụng đất ngày 14/6/1994 của UBND phường P xác định diện tích đất ở hợp pháp gia đình ông T1 được phép sử dụng là 175m<sup>2</sup>. Trong quá trình sử dụng đất, ông T1 đã cải tạo và mở rộng diện tích sử dụng đất sang các phần đất liền kề chưa sử dụng, đất ao và bờ kênh Bắc. Diện tích đo vẽ trên hồ sơ địa chính qua các thời kỳ tăng theo hiện trạng sử dụng đất, cụ thể: từ 200m<sup>2</sup> đất T (theo hồ sơ địa chính 299/TTg) tăng lên 437m<sup>2</sup> đất T (theo hồ sơ địa chính 364) và 574m<sup>2</sup> đất ODT (theo hồ sơ địa chính phường P đo vẽ năm 2011). Trong quá trình sử dụng đất, ông T1 đã chuyển nhượng toàn bộ 175m<sup>2</sup> đất ở cho ba hộ dân theo biên bản UBND phường P lập ngày 14/6/1994 (đã được UBND thành phố T công nhận và cấp GCNQSDĐ 175m<sup>2</sup> đất ở cho ba hộ dân nhận chuyển nhượng).

Phần diện tích đất ông K đang sử dụng do nhận chuyển nhượng từ ông T, bà L (không có giấy tờ cho tặng từ ông T1), bằng giấy viết tay ngày 25/9/2011 và không có xác nhận của chính quyền là phần diện tích đất còn lại theo hồ sơ 299/TTg (diện tích 25m<sup>2</sup>) và phần diện tích đất tăng thêm từ các phần đất liền kề chưa sử dụng, đất ao và bờ kênh Bắc.

Trên cơ sở hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, kết quả xác định nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của hộ ông Cao Văn T1, việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K; căn cứ Điều 103 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa (sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2072/2015/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017) quy định hạn mức công nhận đất ở trên địa bàn phường, xác định: khi thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất theo hiện trạng sử dụng đất để thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây, hộ ông Nguyễn Ngọc K được bồi thường, hỗ trợ về đất, gồm: 25m<sup>2</sup> đất vườn trong cùng thửa đất ở theo hồ sơ 299/TTg (bồi thường bằng 50% giá đất ở); 67,35m<sup>2</sup> đất

trồng cây lâu năm, phần diện tích còn lại 88,03m<sup>2</sup> không được bồi thường do lấn chiếm đất hành lang bảo vệ kênh Bắc và ao.

Đối chiếu với các quy định nêu trên, việc ông Nguyễn Ngọc K khiếu nại và đề nghị UBND thành phố T bồi thường diện tích 62,3m<sup>2</sup> là đất ở và diện tích 93,08m<sup>2</sup> là đất vườn là không có cơ sở. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Ngọc K đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Ngọc K khiếu nại là không có cơ sở.

3. Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố T và UBND thành phố T không trình bày quan điểm gì.

4. Tại văn bản số 357/UBND-ĐC ngày 13/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là UBND phường P, thành phố T có nội dung:

\* Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: Đất UBND phường P giao cho hộ ông Cao Văn T1 để sử dụng vào mục đích nhà ở từ năm 1983, sau đó ông T1 chuyển quyền toàn bộ thửa đất cho con rể là Nguyễn Hồng T, đến năm 2001 ông T chuyển nhượng cho 3 hộ, gồm:

- Ông Trần Văn G1 (năm 2001): Ông G1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D1, sau đó ông D1 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn L1, bà Nguyễn Thị Thùy L2 năm 2015, diện tích chuyển nhượng 86,0m<sup>2</sup>;

- Ông Hoàng Văn T3: Đến năm 2006 chuyển nhượng cho ông Hoàng Ngọc S, diện tích chuyển nhượng 40,4m<sup>2</sup>;

- Ông Đặng Đình D2: Ông D2 chuyển quyền sử dụng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Ngọc K, sau đó ông K để một phần diện tích thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận cho con rể là ông Nguyễn Hữu T4, diện tích 48,6m<sup>2</sup> và đến năm 2014 ông T4 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T2. Phần diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Ngọc K nằm ở khu vực hành lang Đê Kênh Bắc không được cấp GCNQSDĐ và nay ông K khiếu nại đề nghị bồi thường giải phóng mặt bằng.

\* Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện:

- Bản đồ 299 thành lập năm 1985: Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 5, diện tích 200,0m<sup>2</sup> được tách ra làm 4 thửa của các hộ đang sử dụng, gồm: ông Phạm Văn L1 diện tích 86,0m<sup>2</sup> đất ở, bà Nguyễn Thị T2 48,6m<sup>2</sup> đất ở, ông Hoàng Ngọc S 40,4m<sup>2</sup> đất ở và ông Nguyễn Ngọc K 25,0m<sup>2</sup> (hộ ông K chưa được công nhận và cấp GCNQSDĐ).

- Bản đồ 364 thành lập năm 1994: Thửa đất số 365, tờ bản đồ số 21, diện tích 437,0m<sup>2</sup> được tách ra làm 4 thửa của các hộ đang sử dụng gồm: ông Phạm Văn L1 diện tích 112,47m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị T2 111,98m<sup>2</sup>, ông Hoàng Ngọc S 120,2m<sup>2</sup> đất ở và ông Nguyễn Ngọc K 92,35m<sup>2</sup> (hộ ông K chưa được công nhận và cấp GCNQSDĐ).

Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất đai phường P đã xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất và tham mưu cho UBND phường P đề nghị UBND thành phố T xem xét thu hồi 180,38m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Ngọc K, trong đó:

+ Bồi thường đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 92,35m<sup>2</sup>.

+ Không bồi thường diện tích 93,08m<sup>2</sup> lấn chiếm đất Đê và hành lang Đê kênh Bắc.

\* Tại phiên tòa ngày 22/8/2024, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy các Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất; Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019; Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021; hủy một phần các Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB), Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB - bổ sung) phần liên quan đến hộ ông Nguyễn Ngọc K. Các yêu cầu khác giữ nguyên như đơn khởi kiện và văn bản bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/8/2024.

HĐXX đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để thông báo bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện cho người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, nhưng đến nay người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có quan điểm gì đối với yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện của người khởi kiện.

\* Tại bản tự trình bày ngày 23/8/2024 (thay thế cho bản tự khai và tóm lược đơn kiện) cũng như tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện đề nghị hủy các quyết định như đơn khởi kiện ban đầu, văn bản bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và tại phiên tòa ngày 22/8/2024, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án: Quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T - Đoạn từ thị trấn R đến quốc lộ 1A. Chi tiết các loại đất như sau: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>. Giao cho Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án nêu trên lập, trình duyệt và thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trên.

\* Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; người khởi kiện đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K:

- Hủy Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB) liên quan đến phần bồi thường về đất của ông Nguyễn Ngọc K.

- Hủy một phần Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB - bổ sung) liên quan đến phần bồi thường đối với ông Nguyễn Ngọc K.

- Hủy Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K;

Buộc UBND thành phố T ban hành lại Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T đối với hộ ông Nguyễn Ngọc K. Cụ thể: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất, trong đó: Đất ở: 25m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 67,35m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 88,03m<sup>2</sup>.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K;

- Buộc UBND thành phố T quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K. Chi tiết các loại đất như sau: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên người khởi kiện không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố T và Chủ tịch



UBND thành phố T phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chủ tịch UBND thành phố T, đại diện UBND thành phố T, đại diện UBND phường P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai (tuy ông Nguyễn Văn S1 là công chức địa chính - xây dựng UBND phường P có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn S1 không được Chủ tịch UBND phường P ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án), nên HĐXX căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 về việc điều chỉnh quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc điều chỉnh quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB), Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB - bổ sung), Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K, Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K, liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ ông Nguyễn Ngọc K, nên các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Ông K cho rằng các quyết định hành chính nêu trên của UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa là trái pháp luật, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên ông K có quyền khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 11/11/2022 ông K làm đơn khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất và hiện trạng sử dụng đất:

\* Tại biên bản hội nghị về việc xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 08/12/2018, thì đất hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng có nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hồng T, bà Cao Thị L ngày 25/9/2011, chưa được cấp GCNQSDĐ do một phần thửa đất hiện tại thuộc phạm vi bảo vệ hành lang đô thị.

- Theo bản đồ địa chính lập năm 1985 (bản đồ 299): Tại thửa 103, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m<sup>2</sup>, loại đất T.

- Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 1994: Thể hiện tại thửa 365, tờ bản đồ số 21.

- Theo bản đồ địa chính phường P lập năm 2011 và trích lục bản đồ số 19/TLBĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T lập ngày 24/4/2017 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 36.

- Hiện trạng thể hiện tại các thửa 50; 49; 48 và 45 tờ bản đồ số 36 bản đồ địa chính đo vẽ năm 2011: Diện tích đất thực tế hộ gia đình ông K đang sử dụng là 182,9m<sup>2</sup> tăng so với hồ sơ quản lý đất thể hiện tại thửa 103 tờ số 5 bản đồ địa chính năm 1985 là 157,9m<sup>2</sup>. Nguyên nhân tăng: 20,9m<sup>2</sup> do đo bao hành lang đường giao thông; 77,65m<sup>2</sup> thuộc hành lang bảo vệ đô thị và 59,4m<sup>2</sup> đất tăng được xác định là đất trồng cây lâu năm, gia đình đang sử dụng và không có tranh chấp với các hộ liền kề.

- Thời điểm sử dụng đất: Phần diện tích 20,9m<sup>2</sup> sử dụng trước ngày 18/12/2011; phần diện tích tăng lên 59,4m<sup>2</sup> so với bản đồ 299 được xác định sử dụng ổn định trong khoảng trước ngày 15/10/1993 sau ngày 18/12/1980.

\* Tại biên bản hội nghị về việc xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 10/7/2021, thì đất hộ ông K đang sử dụng có nguồn gốc là đất UBND phường P giao cho hộ ông Cao Văn T1 sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1983, ông T1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Hồng T và ông T chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc K năm 2011.

- Bản đồ 299 lập năm 1985: Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m<sup>2</sup> được tách ra làm 4 thửa của các hộ đang sử dụng, gồm: ông Phạm Văn L1 diện tích 86m<sup>2</sup> đất ở, bà Nguyễn Thị T2 48,6m<sup>2</sup> đất ở, ông Hoàng Ngọc S 40,4m<sup>2</sup> đất ở và ông Nguyễn Ngọc K 25m<sup>2</sup> đất ở (hộ ông K chưa được công nhận và cấp GCNQSDĐ).

- Bản đồ 364 lập năm 1994: Thửa đất số 365, tờ bản đồ số 21, diện tích 437m<sup>2</sup> được tách ra làm 4 thửa của các hộ đang sử dụng gồm: ông Phạm Văn L1 112,47m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị T2 111,98m<sup>2</sup>, ông Hoàng Ngọc S 120,2m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Ngọc K 92,35m<sup>2</sup> (hộ ông K chưa được công nhận và cấp GCNQSDĐ).

- Theo bản đồ địa chính phường P lập năm 2011 và trích lục bản đồ số 19/TLBĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T lập ngày 24/4/2017 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 36, diện tích đất thực tế hộ gia đình ông K đang sử dụng là 180,38m<sup>2</sup> và hộ ông K chưa được cấp GCNQSDĐ do phần lớn thửa đất hiện tại thuộc phạm vi hành lang bảo vệ kênh Bắc. Diện tích thực tế so với bản đồ 364 là 93,08m<sup>2</sup>. Nguyên nhân: Tăng 93,08m<sup>2</sup> so với bản đồ 364 là do bao chiếm diện tích đất chân mái đê và hành lang kênh Bắc. Phần diện tích này sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Hai biên bản hội nghị này có nội dung như nhau, nhưng xác định số diện tích khác nhau, tuy nhiên biên bản sau không có phần nào, câu nào thể hiện là được thay thế biên bản trước.

[3.2] Về yêu cầu hủy các Quyết định của UBND thành phố T: Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 về việc điều chỉnh quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019; Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc điều chỉnh quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021; hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB), Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB - bổ sung) phần bồi thường về đất của ông Nguyễn Ngọc K:

Để thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T, ngày 18/9/2019 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 8169/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông, bà Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, đã quyết định thu hồi 182,9m<sup>2</sup> đất do hộ ông, bà Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại số nhà 212C, phố P 4, phường P, thành phố T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T, trong đó: Đất ở đô thị (ODT): 25,0m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 59,4m<sup>2</sup>; Đất không được bồi thường: 98,5m<sup>2</sup>. Vị trí tại thửa 48, tờ bản đồ số 36 bản đồ địa chính phường P lập năm 2011. Theo trích đo địa chính khu đất thu hồi số 19/TLBĐ của Văn phòng đăng ký đất đai quyền sử dụng đất thành phố lập ngày 24/4/2017, tại số thửa 48, tờ bản đồ số 36.

Tại Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T quyết định: Điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T, cụ thể:

Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại số nhà 212C, phố P 4, phường P, thành phố T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T, trong đó: đất ở đô thị (ODT): 25,0m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 62,3m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 93,08m<sup>2</sup>. (Truy thu tiền sử dụng đất theo khoản 1, Điều 6, Nghị định số

45/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đối với phần diện tích đất 25,0m<sup>2</sup> được thu hồi là đất ở).

Lý do điều chỉnh là căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, vì diện tích đất thực tế hộ gia đình ông K đang sử dụng tại thửa số 48, tờ bản đồ số 36 là 180,38m<sup>2</sup> (theo bản đồ địa chính phường P lập năm 2011 và trích lục bản đồ số 19/TLBĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T lập ngày 24/4/2017). Như vậy, tuy có điều chỉnh theo hiện trạng sử dụng đất, nhưng vẫn xác định thu hồi hộ ông K 25m<sup>2</sup> đất ở.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022, điều chỉnh Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, UBND thành phố T đã điều chỉnh thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông K, trong đó: đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở là 92,35m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường là 88,03m<sup>2</sup>.

Lý do điều chỉnh: theo kết luận của UBND thành phố T tại Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn Ngọc K khi thu hồi đất tại phường P để tổ chức thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây, cụ thể: *“Căn cứ Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đã được UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2072/2015/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017), thửa đất có nguồn gốc của ông Cao Văn Tuyển đã được công nhận quá hạn mức đất ở (125m<sup>2</sup>). Việc Hội đồng kiểm kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Đại lộ Đông Tây xác định bồi thường diện tích 25m<sup>2</sup> đất ở (Truy thu tiền sử dụng đất theo điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 45/2014/NĐ-CP) là không có căn cứ”*.

Xét thấy: Đất hộ ông K đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông T, bà L (con ông T1). Tại các Biên bản hội nghị về việc xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 08/12/2018 và ngày 10/7/2021 đã xác định: đất UBND phường P giao cho hộ ông Cao Văn T1 sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1983, nghĩa là nguồn gốc sử dụng đất được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004. Căn cứ khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó”*. Theo hồ sơ 299/TTg phê duyệt năm 1984 thì hộ ông T1 đã được công nhận 200m<sup>2</sup> đất ở. Do đó, sau khi chuyển nhượng cho 03 hộ gia đình 175m<sup>2</sup> đất ở thì vẫn còn lại 25m<sup>2</sup> đất ở chuyển nhượng cho ông K. Vì vậy, có căn cứ xác định hộ ông K có 25m<sup>2</sup> đất ở,

khi thu hồi đất phải bồi thường cho hộ ông K 25m<sup>2</sup> đất ở mới đúng quy định của pháp luật.

UBND thành phố T căn cứ vào biên bản kiểm tra việc quản lý sử dụng đất ngày 14/6/1994 của UBND phường P xác định đất ở hợp pháp gia đình ông T1 được phép sử dụng là 175m<sup>2</sup> để cho rằng ông T1 chỉ được quyền sử dụng 175m<sup>2</sup> đất ở. Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu UBND thành phố T và UBND phường P giao nộp tài liệu, chứng cứ là biên bản kiểm tra việc quản lý sử dụng đất ngày 14/6/1994 của UBND phường P, nhưng cả UBND thành phố T và UBND phường P đều không cung cấp tài liệu này cho Tòa án nên không có căn cứ việc ông T1 chỉ được công nhận 175m<sup>2</sup> đất ở.

Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm: Theo bản đồ 364, hộ ông T1 được quyền sử dụng 437m<sup>2</sup>, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 237m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất ông T1 đã chuyển nhượng và hiện nay các hộ đang sử dụng, gồm: hộ ông Phạm Văn L1 112,47m<sup>2</sup> (trong đó 86m<sup>2</sup> đất ở, 26,47m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), hộ bà Nguyễn Thị T2 111,98m<sup>2</sup> (trong đó 48,6m<sup>2</sup> đất ở, 63,38m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), hộ bà Hoàng Ngọc S 120,2m<sup>2</sup> (trong đó 40,4m<sup>2</sup> đất ở, 79,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Số diện tích còn lại, hộ ông K nhận chuyển nhượng là 92,35m<sup>2</sup> (trong đó 25m<sup>2</sup> đất ở, 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), do đó hộ ông K được bồi thường 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở mới phù hợp.

Đối với diện tích đất không được bồi thường: Theo phân tích ở phần trên, thì gia đình ông K có 25m<sup>2</sup> đất ở và 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở. Căn cứ hiện trạng sử dụng đất thì hộ ông K đang sử dụng 180,38m<sup>2</sup> đất (do đã giảm trừ 2,52m<sup>2</sup> thu hồi QL 47), tăng so với Bản đồ 364 là 88,03m<sup>2</sup>. Diện tích tăng là do bao chiếm đất chân mái đê hành lang Kênh Bắc và Ao (phần diện tích này sử dụng sau ngày 01/7/2004), nên hộ ông K không được bồi thường 88,03m<sup>2</sup> đất là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, có căn cứ xem xét khi thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K, phải bồi thường cho hộ ông K 25m<sup>2</sup> đất ở, 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm là đất vườn, ao cùng thửa đất ở. Vì vậy, cần phải hủy Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022; hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 và Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 liên quan đến phần bồi thường về đất của ông Nguyễn Ngọc K.

[3.3] Về yêu cầu hủy các Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T, Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K:

Gia đình ông Nguyễn Ngọc K khiếu nại các Quyết định thu hồi đất, Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất nêu trên, yêu cầu được bồi thường 62,3m<sup>2</sup> là đất ở và 93,08m<sup>2</sup> là đất vườn.

Như phân tích tại phần [3.2] có căn cứ xác định: Khi thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất theo hiện trạng sử dụng đất để thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây, hộ ông K được bồi thường về đất: 25m<sup>2</sup> đất ở; 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở, phần diện tích còn lại 88,03m<sup>2</sup> không được bồi thường do lấn chiếm đất hành lang bảo vệ đê Kênh Bắc và Ao.

Tại Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K quyết định: Nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K là không có cơ sở. Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đại lộ Đông Tây tham mưu Chủ tịch UBND thành phố điều chỉnh Quyết định thu hồi đất, phê duyệt bồi thường đối với hộ ông Nguyễn Ngọc K, trong đó: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của ông K, gồm: 92,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất có nhà ở và 88,03m<sup>2</sup> đất không được bồi thường. Quyết định này vượt quá phạm vi khiếu nại của người khiếu nại, vì ông K chỉ khiếu nại đối với diện tích 62,3m<sup>2</sup> đất vườn phải là đất ở và 93,08m<sup>2</sup> đất không được bồi thường phải là đất vườn, chứ không khiếu nại đối với 25m<sup>2</sup> đất ở. Vì vậy, cần phải hủy Quyết định này.

Tại Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K quyết định: Ông Nguyễn Ngọc K khiếu nại, đề nghị UBND thành phố T bồi thường diện tích 62,3m<sup>2</sup> là đất ở và 93,08m<sup>2</sup> là đất vườn là không có cơ sở là đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Về yêu cầu buộc UBND thành phố T quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T - Đoạn từ thị trấn R đến quốc lộ 1A. Chi tiết các loại đất như sau: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>. Giao cho Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án nêu trên lập, trình duyệt và thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trên:

Như phân tích tại phần [3.2], có căn cứ xác định: Khi thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất theo hiện trạng sử dụng đất để thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây, hộ ông K được bồi thường về đất: 25m<sup>2</sup> đất ở; 67,35m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở, phần diện tích còn lại 88,03m<sup>2</sup> không được bồi thường do lấn chiếm đất hành lang bảo vệ kênh Bắc và Ao. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố T quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải

phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T. Cụ thể: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K, hủy các Quyết định của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022, Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022; hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 và Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 liên quan đến phần bồi thường về đất của ông Nguyễn Ngọc K.

Buộc UBND thành phố T ban hành lại Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T đối với hộ ông Nguyễn Ngọc K. Cụ thể: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất, trong đó: Đất ở: 25m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 67,35m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 88,03m<sup>2</sup>.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K về yêu cầu hủy Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; đồng thời bác yêu cầu về việc buộc UBND thành phố T quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T. Cụ thể: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>.

[5] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Ngọc K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T bị hủy quyết định hành chính nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1, khoản 2 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 75, khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K:

- Hủy Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất do hộ ông, bà Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đại lộ Đông Tây thành phố T;

- Hủy Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8169/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất do hộ ông, bà Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đại lộ Đông Tây thành phố T, đoạn từ thị trấn R đến Quốc lộ 1A.

- Hủy Quyết định số 8512/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 8696/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của hộ ông, bà Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đại lộ Đông Tây thành phố T, đoạn từ thị trấn R đến Quốc lộ 1A.

- Hủy một phần Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB) đoạn thị trấn R đến C thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng đường Đại lộ Đông Tây, thành phố T đoạn từ thị trấn R đến Quốc lộ 1A (liên quan đến phần bồi thường về đất của ông Nguyễn Ngọc K).

- Hủy một phần Quyết định số 9513/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB - bổ sung) của các hộ dân phường P thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng đường Đại lộ Đông Tây, thành phố T, đoạn từ thị trấn R đến Quốc lộ 1A (liên quan đến phần bồi thường đối với ông Nguyễn Ngọc K).

- Hủy Quyết định số 6547/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K, địa chỉ: 212 P 4, phường P, thành phố T.

Buộc UBND thành phố T ban hành lại Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T đối với hộ ông Nguyễn Ngọc K. Cụ thể: Thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất, trong đó: Đất ở: 25m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở: 67,35m<sup>2</sup>; đất không được bồi thường: 88,03m<sup>2</sup>.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc K, lô 02 C, phường A, thành phố T;



- Buộc UBND thành phố T quyết định thu hồi 180,38m<sup>2</sup> đất của hộ ông Nguyễn Ngọc K đang sử dụng tại phố P 4, phường P để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây thành phố T - Đoạn từ thị trấn R đến quốc lộ 1A. Chi tiết các loại đất như sau: Đất ở: 113,03m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất có giấy tờ về quyền sử dụng là 25,0m<sup>2</sup>; đất không có giấy tờ về quyền sử dụng là 88,03m<sup>2</sup>. Đất cây lâu năm cùng thửa với đất ở có nhà là 67,35m<sup>2</sup>.

3. Về án phí: UBND thành phố T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), Chủ tịch UBND thành phố T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND thành phố T, UBND thành phố T, UBND phường P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HS vụ án, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**

